

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/8/2023  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Ngọc M**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, chị và anh Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau. Từ năm 2021 chị phát hiện anh Đ có người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cự cãi. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn và đã cho nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, chị và anh Đ không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Do không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con chung tên là Trần Cẩm T, sinh ngày 26/11/2012 và Trần Cẩm N, sinh ngày 23/10/2015, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện nay anh còn tình cảm với chị M, có nguyện vọng tiếp tục sống chung. Anh cam kết sửa đổi tính tình, không phạm sai lầm như trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị M và anh Đ là vợ chồng; tiếp tục giao con chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị M và anh Đ tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị M và anh Đ thống nhất xác định trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Chị M cho rằng anh Đ có người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cự cãi. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn và đã cho nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, chị và anh Đ không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Còn anh Đ có nguyện vọng tiếp tục sống chung, cam kết sửa đổi tính tình, không phạm sai lầm. Xét thấy, từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị M đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh Đ. Tòa án đã mở phiên họp, cho cả hai đương sự thời gian, cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt, còn chị M cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Xét thấy, chị M và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Đ.

[4] Về con chung, anh chị xác định có 02 người con chung là Trần Cẩm T, sinh ngày 26/11/2012 và Trần Cẩm N, sinh ngày 23/10/2015, hiện nay đang sống với chị M và có nguyện vọng sống với chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy, chị M có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản

trở. Trường hợp chị M vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Ngọc M và anh Nguyễn Văn Đ .

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Cẩm T, sinh ngày 26/11/2012 và Trần Cẩm N, sinh ngày 23/10/2015 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị M vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0001226 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**